

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KÌ I
BỘ MÔN: NGŨ VĂN 9
NĂM HỌC 2024-2025

PHẦN 1: KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

A. PHẦN ĐỌC

I. Tri thức Ngữ Văn về đặc điểm thể loại thơ

1. Kết cấu thơ:

- Kết cấu của bài thơ là toàn bộ tổ chức chặt chẽ và sinh động các yếu tố về nội dung và hình thức của bài thơ, tạo ra tính toàn vẹn và thể hiện một cách tốt nhất chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

- Kết cấu thơ được thể hiện ở các phương diện sau: Sự lựa chọn thể thơ, sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định (bố cục); sự triển khai mạch cảm xúc; sự phối hợp giữa vần và nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ.

2. Ngôn ngữ thơ:

Ngôn ngữ thơ có đặc điểm hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, có nhịp, thanh điệu, đối...

II. Tri thức Ngữ văn về văn bản nghị luận văn học

Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận:

1. Cách trình bày vấn đề khách quan: chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan. Cách trình bày này tạo ra cơ sở vững chắc, đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho lập luận.

2. Cách trình bày vấn đề chủ quan: đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết. Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.

III. Tri thức Ngữ Văn về thể loại văn bản thông tin giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử

1. Mục đích: Cung cấp cho người đọc thông tin về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

2. Đặc điểm kiểu văn bản:

- Về cấu trúc: 3 phần

+ **Phần mở đầu:** giới thiệu khái quát về danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử.

+ *Phần nội dung*: **giới thiệu có hệ thống** những phương diện khác nhau của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử. Nội dung có thể trình bày thông tin về vị trí địa lí, lịch sử hình thành, nhân vật lịch sử có liên quan, đặc điểm kiến trúc/ cảnh quan, vẻ đẹp/ sức hấp dẫn, cách thức tham quan...

+ *Phần kết thúc*: **nhận xét khái quát** về **giá trị** của danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử trong đời sống văn hóa, tinh thần của con người; có thể **bày tỏ tình cảm, thái độ** của người viết.

- Về đặc điểm hình thức: Có thể sử dụng các **đề mục** làm nổi bật thông tin chính; **một số từ ngữ chuyên ngành** (kiến trúc, lịch sử, địa lí, sinh vật...); **từ ngữ giàu giá trị** miêu tả, biểu cảm; **hình ảnh** minh họa, **sơ đồ/ bản đồ chỉ dẫn**...

- Về cách trình bày thông tin: Thông tin thường được trình bày theo trình tự **thời gian**, theo trật tự **không gian**, theo cách **phân loại** đối tượng , ...

3. Cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại

Tổ chức thông tin theo cấu trúc: (1) giới thiệu tổng quát, khái quát về các đối tượng được phân loại; (2) giới thiệu chi tiết từng đối tượng cụ thể.

4. Phương tiện phi ngôn ngữ

- Loại phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh, đồ thị, sơ đồ, bảng biểu, bản đồ,...

- Vai trò: để trình bày thông tin một cách **trực quan** và làm **nổi bật những thông tin quan trọng**. Ngoài ra, trong một số trường hợp, phương tiện phi ngôn ngữ có thể **cung cấp thêm thông tin** về đối tượng chưa được thể hiện bằng phương tiện ngôn ngữ.

IV. Một số đặc điểm của văn bản truyện truyền kì

- **Thời kì ra đời, phát triển**: Là thể loại văn xuôi tự sự thời trung đại. Ở Việt Nam, truyện truyền kì được viết bằng chữ Hán, phát triển mạnh ở thế kỉ XVI, XVII.

- **Vai trò của yếu tố kì ảo**:

- Là phương thức nghệ thuật để phản ánh cuộc sống.

- Truyền tải những vấn đề cốt lõi của hiện thực và quan niệm, thái độ của tác giả.

- **Không gian truyện kì**: Trong truyện truyền kì, thế giới con người và thế giới thánh thần, ma, quỷ có sự tương giao. Điều này làm nên đặc điểm riêng cho không gian truyện truyền kì – không gian giàu yếu tố kì ảo.

- **Thời gian kì ảo**: Có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thủy phủ hoặc nơi thượng giới (biểu hiện qua nhịp độ nhanh chậm của thời gian); con người có thể sống nhiều đời, nhiều cuộc đời hoặc sống nhờ các phép thuật kì ảo

- **Nhân vật trong truyện truyền kì:** Nhân vật có thể là con người hay thần linh, ma, quỷ,...Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét đặc biệt nào đó; nếu nhân vật là thần linh, ma, quỷ họ thường mang hình ảnh, tính cách của con người.

- **Cốt truyện trong truyện truyền kì:** Truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện.

- **Lời của người kể chuyện:** Lời của người kể chuyện trong truyện truyền kì là lời của một người biết hết mọi chuyện ở trần gian, địa phủ, thượng giới, mọi hành động, suy nghĩ của nhân vật. Lời của người kể chuyện thường chiếm tỉ lệ cao trong văn bản.

* **Lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện**

- **Lời đối thoại trong văn bản truyện** là lời thoại giữa các nhân vật, thể hiện nội dung giao tiếp của họ trong sự luân phiên giữa người nói – người nghe.

- **Lời độc thoại trong văn bản truyện** là nhân vật tự nói với mình, thường dưới dạng lời nói thầm trong đầu.

V. Chủ điểm và các văn bản đã học

Bài 1 - Chủ điểm: Thương nhớ quê hương (Thơ tám chữ)

- *Quê Hương* (Tế Hanh)
- *Bếp lửa* (Bằng Việt)
- *Vẻ đẹp của Sông Đà* (Nguyễn Tuân)
- *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải)

Bài 2: Chủ điểm: Giá trị của văn chương (Văn Nghị luận)

- *Về hình tượng bà Tú trong bài thơ “Thương vợ”* (Chu Văn Sơn)
- *Ý nghĩa văn chương* (Hoài Thanh)
- *Thơ ca* (Ra-xun Gam-za-tốp)
- *Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”* (Vũ Dương Quỹ)

Bài 3 - Chủ điểm: Những di tích lịch sử và danh thắng (Văn bản thông tin)

- *Vườn Quốc gia Cúc Phương*
- *Ngọ Môn*
- *Nhiều giá trị khảo cổ từ Hoàng thành Thăng Long được UNESCO công nhận - Cột cờ Thủ Ngữ- di tích cổ bên sông Sài Gòn*

Bài 4: Chủ điểm: Con người trong thế giới kì ảo (Truyện truyền kì)

- *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)
- *Truyện lạ nhà thuyền chài* (Lê Thánh Tông)
- *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (Nguyễn Nhược Pháp)
- *Đế chọi* (Bồ Tùng Linh)

VI. Nội dung ôn luyện:

- Thể loại, kiểu văn bản
- Tìm văn bản cùng chủ đề, thể loại, cùng kiểu văn bản
- **Văn bản thơ:**
 - + Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.
 - + Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp của người viết thể hiện qua văn bản.
- **Văn bản nghị luận văn học:**
 - + Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận.
 - + Xác định được luận đề, luận điểm, bằng chứng và vai trò của chúng.
- **Văn bản thông tin giới thiệu về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử**
 - + Xác định mục đích, cấu trúc, đặc điểm hình thức, cách trình bày thông tin trong ngữ cảnh cụ thể.
 - + Nhận diện phương tiện phi ngôn ngữ và tác dụng của chúng.
 - + Xác định thông tin cơ bản, tác dụng và mối quan hệ với nhan đề.
 - + Nhận diện yếu tố miêu tả, chi tiết quan trọng và tác dụng của chúng trong văn bản.
- **Văn bản truyện truyền kì**
 - + Tóm tắt chuỗi sự kiện và nội dung câu chuyện.
 - + Xác định lời người kể chuyện, lời nhân vật trong tác phẩm.
 - + Tìm hiểu nội dung của lời người kể chuyện: Kể về ai? Kể về cái gì? Lời kể có vai trò như thế nào trong khắc họa nhân vật?
 - + Tìm hiểu lời nhân vật: Nói về điều gì? Đặc điểm trong ngôn ngữ nhân vật trong truyện truyền kì.
 - + Phân tích được những đặc điểm của nhân vật truyện truyền kì; lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.
 - + Xác định được không gian, thời gian trong truyện truyền kì.
 - + Tìm hiểu các yếu tố kì ảo: Truyện có các yếu tố kì ảo nào? Các yếu tố kì ảo có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm?
 - + Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
 - + Chú ý tác dụng lời bàn của tác giả (nếu có) trong việc hỗ trợ cách hiểu tác phẩm.

PHẦN TIẾNG VIỆT

I. Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng

- **Chơi chữ:** là biện tu từ sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị, làm tăng sức hấp dẫn cho văn bản. Chơi chữ có thể dựa trên hiện tượng đồng âm, lối nói gài âm, cách điệp âm, lối nói lái, lối tách từ...

Ví dụ: Một nghề cho *chín* còn hơn *chín* nghề.

- **Điệp thanh:** là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường là cùng thuộc thanh bằng, thanh trắc) nhằm mục đích tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.

Ví dụ:

Ô! Đêm nay trời trong như gương

Không làn mây vương không hơi sương.

(Hàn Mặc Tử, *Tiêu sầu*)

- **Điệp vần:** là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau nhằm mục đích tăng sức biểu cảm và nhạc tính cho văn bản.

Ví dụ: *Em ơi, Ba Lan mùa tuyết tan*

Đường bạch dương sương trắng nắng tràn

(Tố Hữu, *Em ơi...Ba Lan...*)

II. Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn

- **Đạo văn** là hành vi sao chép lời nói, ý tưởng, quan điểm của người khác và coi nó như là của riêng mình. Đây là hành vi vi phạm đạo đức trong học tập, nghiên cứu.

- Để tránh lỗi đạo văn chúng ta cần trích dẫn chính xác và đúng quy định khi sử dụng lời nói, ý tưởng, quan điểm của người khác.

- **Cách trích dẫn tài liệu:**

+ Có thể trích dẫn trực tiếp (người viết trích dẫn nguyên văn câu nói/ lời đánh giá của người khác và đặt trong dấu ngoặc kép) hoặc trích dẫn gián tiếp (người viết không đặt phần trích dẫn trong dấu ngoặc kép mà viết lại ý tưởng của người khác theo cách diễn đạt của mình)

+ Phần trích dẫn có thể bao gồm các nội dung sau: ý trích dẫn (lời nói, ý tưởng, quan điểm), tác giả, tên tác phẩm/công trình, nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản.

III. Nghĩa và cách dùng tên viết tắt một số tổ chức quốc tế quan trọng

Tên đầy đủ của các tổ chức quốc tế	Tên gọi tiếng Việt của các tổ chức quốc tế	Tên viết tắt	Cơ sở để viết tắt
United Nations	Liên hợp quốc	UN	

A ssociation of S outh E ast A sian N ations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á	ASEAN	Tên viết tắt được tạo ra bằng cách ghép chữ cái đầu của các từ trong tên đầy đủ.
W orld T rade O rganization	Tổ chức Thương mại Thế giới	WTO	
I nternational O lympic C ommittee	Ủy ban Olympic Quốc tế	IOC	
I nternational U nion for C onservation of N ature and Natural Resources	Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế	IUCN	

→ Trong khi tạo lập VB, chúng ta sử dụng tên viết tắt của một số tổ chức quốc tế để làm cho văn bản ngắn gọn.

IV. Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu

- **Dẫn trực tiếp** là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của một người/một nhân vật. Phần dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép.
- **Dẫn gián tiếp** là thuật lại lời nói hay ý nghĩ của một người/một nhân vật theo cách diễn đạt của mình. Phần dẫn gián tiếp thường dùng kèm các từ “rằng”, “là”... và không được đặt trong ngoặc kép.

V. Nội dung ôn luyện

- Nhận biết được các biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: *đặc điểm và tác dụng*.
- Biết được cách trích dẫn tài liệu tránh đạo văn.
- Nắm được nghĩa và cách dùng tên viết tắt một số tổ chức quốc tế quan trọng và mục đích dùng tên viết tắt.
- Nhận biết được cách dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp. Biết vận dụng hai cách dẫn này vào trường hợp thực tế.

B. PHẦN VIẾT:

I. Tri thức về kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

1. Khái niệm:

Phân tích một tác phẩm văn học (nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó) thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để sáng tỏ chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- *Về nội dung*: phân tích được nội dung chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật đối với việc thể hiện nội dung
- *Về hình thức*: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của văn bản.
- *Bố cục bài viết cần đảm bảo*:

+ **Mở bài**: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.

+ **Thân bài**: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm và tác dụng của nó đối với việc thể hiện nội dung tác phẩm.

+ **Kết bài**: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.

3. Quy trình viết

Đề: *Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.*

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- *Xác định đề tài*: Tác phẩm văn học (thơ, truyện, tản văn,...)
- *Xác định mục đích viết, người đọc*
- *Mục đích*: Phân tích, làm nổi bật chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học.
- *Người đọc*: thầy/cô và các bạn cùng lớp/trong trường,...
- *Thu thập tư liệu*: Những ghi chép của bản thân sau khi đọc tác phẩm (giấy ghi chú, nhật kí đọc, sản phẩm sáng tạo,...) Hay những bài phê bình, phỏng vấn, tư liệu báo chí,... liên quan đến tác phẩm.

→ *Đề tài phù hợp với yêu cầu của đề bài*

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý: Hãy tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

- Chủ đề chính của tác phẩm? Chủ đề ấy được thể hiện như thế nào trong tác phẩm (qua nhân vật, hình ảnh, sự việc, cốt truyện,...) và gợi ra thông điệp, suy nghĩ, tình cảm gì ở người đọc
- Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm thể hiện ở những phương diện nào? Nhận xét đặc sắc nghệ thuật biểu hiện như nào trong tác phẩm?

b. Lập dàn ý: Chọn lọc và sắp xếp các ý vừa tìm được thành dàn ý hoàn chỉnh

- MB: + Giới thiệu tác phẩm văn học, khái quát về chủ đề và đặc sắc nghệ thuật.
- TB: Có ba cách triển khai luận điểm:

+ Cách 1: nêu luận điểm về chủ đề, sau đó nêu luận điểm về hình thức nghệ thuật.

+ Cách 2: nêu luận điểm về hình thức nghệ thuật, nêu luận điểm về chủ đề.

+ Cách 3: triển khai song song luận điểm về hình thức nghệ thuật và chủ đề (luận điểm 1 về chủ đề và hình thức nghệ thuật -> luận điểm 2 về chủ đề và hình thức nghệ thuật -> luận điểm... về chủ đề và hình thức nghệ thuật.

- KB: + Khẳng định lại vấn đề ý kiến về nội dung chủ đề và những nét đặc sắc nghệ thuật, nêu cảm nghĩ hoặc tác động của tác phẩm với bản thân.

-> *Khi triển khai lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm, cần tránh sự trùng lặp về ý giữa các luận điểm. Một số bằng chứng có thể dùng làm sáng tỏ cho nhiều luận điểm, nhưng với mỗi luận điểm, cách triển khai lí lẽ để phân tích, lí giải cái khác nhau.*

Bước 3: Viết bài

Thực hiện viết bài: Viết bài văn dựa trên dàn ý-> Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với kiểu bài.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

Xem lại và chỉnh sửa: Đọc lại bài viết và chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm.

Rút kinh nghiệm: Ghi lại những điều cần lưu ý về cách viết kiểu bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về nghệ thuật.

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật			
Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu tên tác phẩm, thể loại và tên tác giả		
	Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật)		
Thân bài	Trình bày luận điểm về chủ đề tác phẩm		
	Trình bày luận điểm về những nét đặc sắc nghệ thuật		
	Phân tích lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các đặc sắc nghệ thuật trong tác phẩm.		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến về chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm		
	Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.		

Diễn đạt	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ và đặt câu		
	Cách mở bài lôi cuốn, hấp dẫn		
	Cách kết bài đặc sắc, ấn tượng		
	Sử dụng hiệu quả các phép liên kết để tạo sự mạch lạc cho bài viết.		

II. Tri thức về kiểu bài viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc

1. Khái niệm:

Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc là dùng trí tưởng tượng và kỹ năng kể chuyện của người viết để viết một truyện kể bằng cách phỏng theo một truyện đã đọc với những sáng tạo, kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể.

2. Yêu cầu đối với kiểu văn bản:

- Có nhân vật, cốt truyện, bối cảnh phù hợp; nội dung có tính giáo dục.
- Thể hiện được sự sáng tạo của người viết về nội dung truyện đã đọc (khơi sâu, nắn lại chủ đề, bổ sung nhân vật, sự việc; thay đổi bối cảnh, quan hệ;...) hoặc về hình thức (thay đổi ngôi kể, nhân vật; cách tạo dựng đối thoại, độc thoại, biện pháp tu từ, kết hợp miêu tả, biểu cảm;...)
- Kết hợp sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm

• **Bố cục truyện kể gồm các phần:**

- + Mở đầu: giới thiệu nhân vật/bối cảnh/nội dung chính của truyện kể.
- + Diễn biến truyện: thuật lại diễn biến các sự việc trong câu chuyện theo một trình tự hợp lý; thể hiện được khả năng tưởng tượng và cách kể chuyện sáng tạo; có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong khi kể chuyện.
- + Kết thúc truyện: phù hợp, gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc (tùy trường hợp có thể giải thích hoặc khái quát ý nghĩa bài học từ truyện kể).

3. Hướng dẫn quy trình viết

Đề bài: *Viết một truyện kể sáng tạo với đề tài tự chọn, phỏng theo một truyện đã đọc có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm.*

1. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Chọn một truyện kể, truyện phim mà em đã đọc/đã xem theo sở thích dựa trên các tiêu chí:
- + Nội dung truyện phù hợp với thuần phong mỹ tục, có ý nghĩa giáo dục.
- + Nhân vật, cốt truyện không quá phức tạp, số trang viết vừa phải,...
- + Vừa sức và thuận lợi đối với việc phát huy sự sáng tạo của bản thân.

2. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- Đọc kĩ truyện đã tìm, xác định chủ đề, đặc điểm nội dung, hình thức của truyện kể sẽ phỏng theo tóm tắt chuỗi sự kiện, nhân vật (theo dạng sơ đồ).

- Tìm ý dựa vào hệ thống câu hỏi:

+ Với chủ đề của truyện gốc, nên phát triển, khơi sâu một khía cạnh hay nấn lại chủ đề theo một hướng nào khác?

+ Cần thay đổi các yếu tố hình thức của truyện theo hướng nào? (Nên bổ sung những gì vào cốt truyện, nhân vật, bối cảnh của truyện gốc? Nên thay đổi ngôi kể, cách kể chuyện hay không?...)

+ Đọc lại truyện con trâu, đối chiếu với truyện kể dân gian về *Sự tích con trâu* để học cách viết truyện mô phỏng.

- Lập dàn ý: Theo cấu trúc 3 phần đã nêu ở mục *Tri thức về kiểu văn bản*.

3. Bước 3: Viết bài

- Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh.

Lưu ý: Khi viết một truyện kể sáng tạo trên cơ sở phỏng theo một truyện đã đọc, em cần học cách hư cấu sáng tạo của các nhà văn.

4. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

- Đọc lại bài viết, sử dụng bảng kiểm dưới đây để tự đánh giá về kĩ năng viết một truyện kể sáng tạo.

- Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với bài viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một câu chuyện đã đọc.

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN VIẾT MỘT TRUYỆN KỂ SÁNG TẠO
DỰA TRÊN MỘT TRUYỆN ĐÃ ĐỌC**

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở đầu truyện	Giới thiệu nhân vật/bối cảnh/nội dung chính của câu chuyện		
	Có phần dẫn dắt lôi cuốn, thu hút sự chú ý của người đọc		
	Đảm bảo nội dung chính của truyện gốc		

Diễn biến truyện	Có nhân vật		
	Có cốt truyện		
	Sử dụng ngôi kể phù hợp		
	Câu chuyện được thuật lại với sự kiện, diễn biến hợp lí		
	Thể hiện sự sáng tạo của bản thân với người viết (về nhân vật/sự kiện/tình huống/bối cảnh/chi tiết,...)		
	Kết hợp lời kể với lời miêu tả, biểu cảm		
	Làm nổi bật sự kiện, nhân vật chính		
	Nội dung truyện kể có ý nghĩa, có tính giáo dục		
Kết thúc truyện	Phù hợp với diễn biến câu chuyện		
	Gây ấn tượng hoặc gợi suy nghĩ đối với người đọc		
Kĩ năng sử dụng lời văn kể chuyện	Câu văn giàu hình ảnh		
	Lời kể linh hoạt, tự nhiên		
	Đảm bảo dung lượng khoảng 1000 chữ		

PHẦN 2: CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ HỌC KÌ 1

- **Hình thức:** Tự luận
- **Nội dung:** Các đơn vị kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 15.
- **Cấu trúc:** 6/4
- **Thời gian:** 90 phút
- **Thời gian thực hiện kiểm tra:** Theo kế hoạch chung của trường.

1. Đọc: 6.0 điểm (Văn bản 5.0 điểm; Tiếng Việt 1.0 điểm)

- Văn bản thơ, văn bản thông tin, văn bản Truyện truyền kỳ, văn nghị luận văn học (**Chọn ngữ liệu ngoài SGK Chân trời sáng tạo**)

2. Viết: 4.0 điểm

- Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: chủ đề và những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.
- Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện kể đã đọc.

HẾT